

# Các kiểu loại truyện cười do mơ hồ cú pháp (minh họa qua tiếng Việt và tiếng Anh)

Trần Thủy Vịnh

**Tóm tắt**—Truyện cười (jokes) rất phổ biến trong cuộc sống - tuy ngắn gọn nhưng tinh tế, đậm chất nghệ thuật của ngôn từ. Tiếng Việt cũng như tiếng Anh đều có nhiều truyện cười dựa trên cơ sở vận dụng hiện tượng mơ hồ ngôn ngữ. Người nghe/người đọc nhận ra các tình huống, sự kiện tức cười nhờ có “công cụ” mơ hồ ngôn ngữ kết hợp với kiến thức và sự nhạy cảm ngôn ngữ của mình.

Mơ hồ cú pháp là loại mơ hồ xuất hiện ở những câu có hơn một nghĩa do các quan hệ cú pháp có thể được phân định theo nhiều cách khác nhau. Có nhiều mơ hồ cú pháp nhưng bài viết chủ yếu khảo sát loại truyện cười do mơ hồ gắn kết và mơ hồ phân tích vì đây là hai loại thông dụng nhất.

Bài viết cho thấy những đặc điểm của mơ hồ cú pháp như là một “phương tiện” để tạo nên cái hài trong các mẫu truyện cười ở tiếng Việt và tiếng Anh; đồng thời cho thấy sự tương đồng và khác biệt giữa các kiểu loại truyện cười do mơ hồ cú pháp của người Việt và người Anh

**Từ khóa**— truyện cười, mơ hồ ngôn ngữ, dạy tiếng, mơ hồ cú pháp.

Tiếng Việt cũng như tiếng Anh có nhiều truyện cười dựa trên cơ sở vận dụng hiện tượng mơ hồ ngôn ngữ. Đặc tính mơ hồ của ngôn ngữ cho phép một từ, ngữ, hoặc câu được diễn dịch theo nhiều cách khác nhau và tạo ra hiệu ứng hài hước. Người nghe/người đọc nhận ra các tình huống, sự kiện tức cười nhờ có “công cụ” mơ hồ ngôn ngữ kết hợp với kiến thức và sự nhạy cảm ngôn ngữ của mình.

Bài viết khảo sát các kiểu loại truyện cười do mơ hồ cú pháp; phân tích những đặc điểm của mơ hồ cú pháp như là một “phương tiện” để tạo nên cái hài trong các mẫu truyện cười ở tiếng Việt và tiếng Anh; đồng thời cho thấy sự tương đồng và khác biệt giữa các kiểu loại truyện cười do mơ hồ cú pháp của người Việt và người Anh.

## 1 MƠ HỒ CÚ PHÁP – MỘT VÀI NHẬN XÉT BAN ĐẦU

### 1.1 Khái niệm mơ hồ cú pháp

Ngày nhận bản thảo: 10-4-2017; Ngày chấp nhận đăng: 22-6-2017; Ngày đăng: 31-12-2017

Trần Thủy Vịnh - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM (email: vinhtranthuy1@gmail.com)

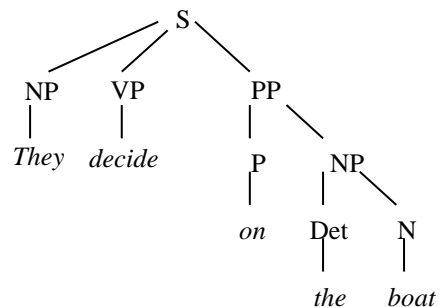
Mơ hồ cú pháp xuất hiện ở những câu có hơn một nghĩa do các quan hệ cú pháp có thể được phân định theo nhiều cách khác nhau. (dt Nguyễn Đức Dân, 1992) [3]

Cần phân biệt hai loại mơ hồ cú pháp khác nhau: mơ hồ cấu trúc (structural ambiguity) và mơ hồ phân định (cú pháp) phái sinh (derivational ambiguity). Câu được xem là mơ hồ cấu trúc nếu nó có thể được phân định thành hai cấu trúc (hình cây) khác nhau như ví dụ (1); câu được xem là mơ hồ phân định phái sinh nếu nó có hai cách phân định vai cú pháp khác nhau (nhưng ta không thể thể hiện nó bằng hai sơ đồ cấu trúc hình cây khác nhau) như ví dụ (2).

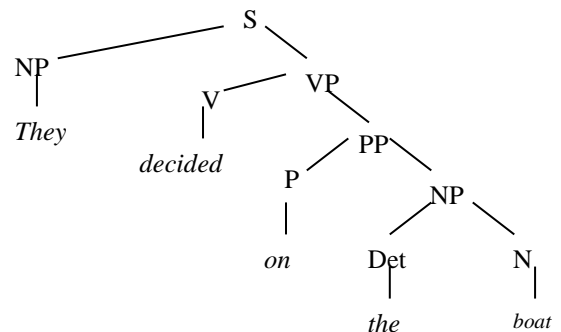
(1) They decided on the boat.

1a. Cuối cùng, họ quyết định (việc đó) trên thuyền. (Xem hình 1)

1b. Cuối cùng, họ quyết định chọn chiếc thuyền đó. (Xem hình 2)



Hình 1. Sơ đồ phân định cấu trúc câu (1a)



Hình 2. Sơ đồ phân định cấu trúc câu (1b)

Câu (1) mơ hồ giữa hai cách hiểu (1a) và (1b) như trên. Sự khác biệt về ngữ nghĩa tương ứng với sự khác biệt về (phân định) cú pháp: *chiếc thuyền* là một thành phần của giới ngữ (cách hiểu 1a) hoặc là một thành phần của động ngữ (cách hiểu b). Việc phân định cú pháp theo cách hiểu (1a) được cho trong hình 1 và cách hiểu (1b) được cho trong hình 2.

(2) The shooting of the soldier was terrible.

2a. Cú bắn của người lính này thật là khủng khiếp.

2b. Cú bắn vào người lính này thật là khủng khiếp.

Câu (2) mơ hồ về ngữ nghĩa giữa cách hiểu thứ nhất (2a) *người lính là người bắn* và cách hiểu thứ hai (2b) *người lính là người bị bắn*; nghĩa là có thể diễn dịch *the soldier* là chủ ngữ hay bổ ngữ.

1.2 Các kiểu loại mơ hồ cú pháp

Có nhiều loại câu mơ hồ về phương diện cú pháp nhưng đề tài này chỉ đưa ra hai loại thông dụng nhất: mơ hồ gắn kết (attachment ambiguity), mơ hồ phân tích (analytical ambiguity).

1.2.1. Mơ hồ gắn kết

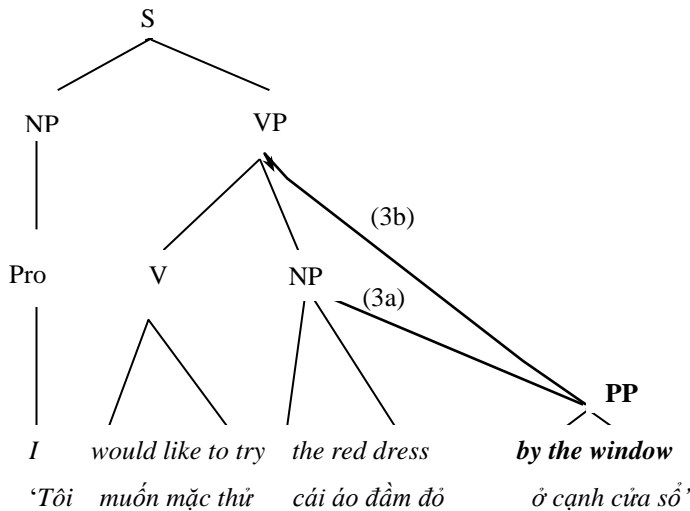
Mơ hồ gắn kết là một loại của mơ hồ “thuần túy” cú pháp (pure-syntactic ambiguity). Về mặt sơ đồ phân tích, câu mơ hồ gắn kết là câu có hơn một nút (node) để một thành phần cú pháp cụ thể nào đó

có thể gắn vào một cách hợp lý và đặc tính ngữ nghĩa của thành phần gắn kết này là không đổi. Vấn đề gắn kết chủ yếu liên quan đến sự thay thế phụ ngữ (modifier). Phổ biến nhất là trường hợp giới ngữ (prepositional phrase) có thể bỏ nghĩa cho cả câu, cho một động từ (trở thành một vai nghĩa) hoặc cho một danh ngữ đứng ngay trước nó (thành định ngữ). Chẳng hạn như ví dụ sau:

(3) a. Tôi muốn mặc thử cái áo đầm đỏ ở **cạnh cửa sổ**. (Xem hình 3)

b. I'd like to try the red dress **by the window**. (Xem hình 3)

Câu (3) xuất phát từ một mẩu chuyện hài trong tiếng Anh: “Có một phụ nữ bước vào một tiệm bán quần áo và nói: “I'd like to try the red dress by the window” (Tôi muốn mặc thử cái áo đầm đỏ ở cạnh cửa sổ). Và người bán trả lời: “Ừm... thưa bà, tiệm chúng tôi có phòng thử kia mà”. Trong truyện trên, người phụ nữ muốn nói đến cái áo đầm ở cạnh cửa sổ, trong khi người bán hiểu là bà ta muốn mặc thử ở cửa sổ. Sơ đồ phân tích cú pháp cho sự diễn dịch của người phụ nữ (3a) và người bán (3b) như sau:



Hình 3. Sơ đồ phân định cấu trúc câu (3a) và (3b)

### 1.2.2. Mơ hồ phân tích

Mơ hồ phân tích là một loại của mơ hồ từ vựng-cú pháp (lexical-syntactic ambiguity). Mơ hồ gắn kết xảy ra khi ta biết rõ đặc tính của một thành tố nào đó nhưng không biết nó sẽ được kết nối vào chỗ nào. Còn mơ hồ phân tích (analytical ambiguity) lại xảy ra khi của đặc tính của thành tố rất “đáng ngờ” - nghĩa là nó có hơn một phân tích về phương diện ngữ nghĩa (cũng như cú pháp). Dĩ nhiên là có thể có hai thành tố “đáng ngờ” cùng đồng hiện nhưng thường giải quyết được tính “đáng ngờ” của thành tố này sẽ giải quyết được thành tố kia.

Mơ hồ phân tích thường xảy ra ở những từ có khả năng chuyển loại, đồng âm khác từ loại hoặc những tổ hợp từ có khả năng phân tích thành một từ ghép hoặc hai từ riêng biệt.

Sau đây là những ví dụ cho trường hợp mơ hồ phân tích.

(4) Yêu nhau cởi áo cho nhau. (Dân ca)

(5) Visiting relatives can be boring.

(dt Franz, 1996) [7]

Trong câu (4), từ *cho* có thể được phân tích như là giới từ hoặc động từ, tương ứng với hai diễn dịch là *cởi áo giúp nhau* hoặc *cởi áo tặng nhau*. Còn ở câu (5), *Visiting* có thể được phân tích như là tính từ hoặc động phân từ (gerund) tương ứng với hai diễn dịch: “*Họ hàng đến thăm có thể làm ta chán ngán*” hoặc “*Việc thăm viếng họ hàng có thể làm ta chán ngán*”.

## 2 LOẠI TRUYỆN CƯỜI DO MƠ HỒ GẮN KẾT

Trong truyện cười do mơ hồ cú pháp, chính ngữ cảnh và cấu trúc cú pháp đan xen đã tạo nên sự kết nối đa dạng giữa các thành tố trong câu/phát ngôn, cho phép câu/phát ngôn có ít nhất hai cách diễn dịch khác nhau. Trong hai cách diễn dịch tiềm năng, truyện đưa ra một diễn dịch khác lạ, bất ngờ nhưng đầy thú vị; và vì vậy tạo ra tiếng cười. Trong loại này, loại truyện cười do mơ hồ gắn kết (attachment ambiguity) là khá phổ biến. Đây là loại mơ hồ thuần túy cú pháp (pure-syntactic ambiguity). Về mặt sơ đồ phân tích, câu mơ hồ gắn kết là câu có hơn một nút (node) để một thành phần cú pháp cụ thể nào đó có thể gắn vào một cách hợp lý và đặc tính ngữ nghĩa của thành phần gắn kết này là không đổi.

Để thấy tầm quan trọng của hiện tượng mơ hồ gắn kết, câu chuyện sau đây về việc chuyển vị dấu phẩy - tức là làm rõ (hay thay đổi) tính gắn kết giữa

các thành phần trong câu, có thể cứu sống một mạng người:

(6) “I am not sure if this story is true or not, but it illustrates the power of commas. Czarina Maria Fyodorovna once saved the life of a man by transposing a single comma in a war-rant signed by her husband, Alexander III, which exiled a criminal to imprisonment and death in Siberia. On the bottom of the warrant the czar had written:

“Pardon impossible, to be sent to Siberia.”

Maria Fyodorovna changed the punctuation so that her husband’s instructions read:

“Pardon, impossible to be sent to Siberia.”

The criminal was set free.” (dt Richard Clark, 2007) [11]

“Tôi không biết câu chuyện sau có thật hay không nhưng nó cho thấy được sức mạnh của dấu phẩy. Hoàng hậu Czarina Maria Fyodorovna có lần đã cứu sống một người bằng cách chuyển dấu phẩy trong tờ trát mà chồng bà, hoàng đế Alexander III, đã ký. Tờ trát ra lệnh đầy biệt xử cho đến chết một tội phạm ở Siberia. Phía dưới tờ trát vị hoàng đế viết: “Pardon impossible, to be sent to Siberia.” (Không thể tha bổng, đầy đi Siberia). Maria Fyodorovna đã hoán chuyển dấu phẩy trong lời phê của chồng bà như sau: “Pardon, impossible to be sent to Siberia.” (Tha bổng, không thể đầy đi Siberia). Thế là tội phạm được tự do.

### 2.1 Loại truyện cười do mơ hồ gắn kết trong tiếng Việt

Loại truyện cười do mơ hồ gắn kết thường là loại do mơ hồ cú ý, tác giả cố tình tạo ra những câu trúc cú pháp - ngữ nghĩa đan xen nhau trong cùng một câu do việc kết nối khác nhau giữa các thành phần trong câu<sup>1</sup>. Nghĩa câu “tùy biến” theo cách phân định cú pháp như vậy được “vận dụng” nhiều trong các mẫu chuyện cười, như sau:

(7) Ông Phan Công nói dối vợ là ông đã có việc làm thêm buổi tối nên tạm thời không chung chăn chung gối được. Chẳng bao lâu bà vợ biết chồng đi ngủ với vợ hai, bèn đi thưa. Quan tòa ra lệnh cho Phan Công: “Ngủ với vợ cả, không được ngủ với vợ hai. Nhưng rồi bà vợ cả lại đi kiện vì chồng không thi hành án lệnh. Quan tòa tức giận đập bàn mắng bị cáo sao dám coi thường pháp luật, và gia tăng hình phạt, không cho Phan Công ngủ với vợ nào nữa. Phan Công kêu oan, trình lên quan bản án đánh máy, có chữ ký của quan và đóng mộc đăng hoàng. Bản án ghi: “Ngủ với vợ cả không

<sup>1</sup> Cần chú ý là có những trường hợp có thể làm mất mơ hồ (câu chỉ có một phân định cú pháp) bằng cách dùng dấu phẩy (trong văn viết) và sự ngắt hơi (trong văn nói).

được, ngủ với vợ hai”. Thực ra ai cũng hiểu ý quan tòa, nhưng thư ký tòa đã ăn hối lộ của Phan Công, xê dịch cái dấu phẩy đi “một ly” để chuyện sai đi “một dặm”, đúng hơn là đảo lộn án lệnh. Bút sa, ông tòa hết cãi, Phan Công cứ y án ngủ với vợ hai.

Tương tự, ta cũng có truyện *Quan cho lấy chồng* như sau:

(11) Hai vợ chồng nhà nọ xích mích với nhau đã lâu. Thấy khó lòng chung sống, chị vợ vác đơn lên quan huyện xin li dị để lấy chồng khác. Xem đơn, quan thấy việc xin li dị của chị vợ này không chính đáng, hơn nữa thấy chị ta cũng chẳng có lỗi gì, nên quan liền phê một câu vào đơn bằng chữ Hán “Phó hồi cái giá bất đắc phu cữ”, nghĩa là “Về lấy chồng khác, không được, cứ chồng cũ”.

Chị ta không hiểu gì, vội mang đơn về nhờ thầy đồ trong xóm giảng hộ. Xem qua lời phê, thầy đồ biết ý quan huyện, song muốn nhân dịp này vạch cái đột mà sinh chữ của quan cho thiên hạ thấy.

Ông bảo chị kia:

- Thế là chị toại nguyện rồi đấy nhé. Lời quan phê, rành rành ra đây này.

“Phó hồi cái giá” nghĩa là cho về lấy chồng khác”, còn “bất đắc phu cữ” nghĩa là “không được trở về với chồng cũ”.

Được lời như cời tấm lòng, chị kia lấy chồng ngay. Tự nhiên mất vợ, người chồng cũ phát đơn lên tỉnh kiện về việc quan huyện vô có phê chuẩn cho vợ mình đi lấy chồng khác. Bị quan trên quở trách là không nắm vững luật lệ, là ngu xuẩn, quan huyện tắc họng không dám cãi nửa lời. Ra khỏi tỉnh đường, quan huyện chửi đồng:

- Cha cái lão thầy đồ nào đã bày cho nó cách ngắt câu!

Từ đó quan cách đến già không dám phê đơn bằng chữ Hán nữa.<sup>2</sup>

(9) Có một thanh niên chí hiếu và đạo đức. Sau khi cha qua đời, trở nên rệu rã, đánh bạc và rất hay đi ... ăn cắp. Một hôm bà mẹ quờ mắng và than phiền đứa con không biết nối chí cha. Anh con trai thưa: “Con luôn luôn nghe lời cha dặn lúc lâm chung, mẹ ạ. Cha dặn sao con làm vậy. Cha dặn:

- **Đừng** hút thuốc... uống rượu con nhé!

- **Đừng** đánh cờ... đánh bạc con nhé!

- **Đừng** ăn trộm... ăn cắp con nhé!

Con đâu dám hút thuốc, đánh cờ và ăn trộm?”. (dt Nguyễn Đức Dân, 1986) [2]

Ở ví dụ (9), nguyên nhân dẫn tới hiện tượng mơ hồ cú pháp là cách hiểu về phạm vi tác động (hay đặc tính gắn kết) của từ phủ định *đừng*... Câu

“**Đừng** hút thuốc... uống rượu con nhé” có thể hiểu theo hai cách: “Đừng ăn trộm, đừng ăn cắp” (từ *đừng* gắn kết vào cả hai động từ), hoặc “Đừng ăn trộm, mà đi ăn cắp” (từ *đừng* chỉ gắn kết vào động từ thứ nhất). Ở đây, cái ngừng giọng lúc hấp hối của người cha làm cho việc hiểu câu trên theo nghĩa thứ hai càng nổi trội hơn.

2.2 Loại truyện cười do mơ hồ gắn kết trong tiếng Anh

Loại truyện cười do mơ hồ gắn kết trong tiếng Anh và tiếng Việt tương tự nhau nên phần lớn các câu truyện tiếng Anh thuộc loại này có thể dịch một cách hoàn hảo sang tiếng Việt (hoặc ngược lại) mà vẫn duy trì được sự mơ hồ và tính hài hước tương tự.

Sau đây là một số mẫu truyện cười tiếng Anh do mơ hồ gắn kết.

(10) A pretty girl walked in little dress shop and said to the manager: “May I try on that two-piece suit **in the window**?”

“Go right ahead”, said the manager. “It might help business.”

(dt Hoke, 1965) [8]

(Có một cô gái xinh đẹp bước vào một tiệm nhỏ bán quần áo và nói với người quản lý: “Tôi mặc thử bộ quần áo hai mảnh ở **cạnh cửa sổ** được không?”)

“Xin cô cứ tự nhiên”, viên quản lý trả lời: “Việc này hẳn là sẽ giúp cho tiệm buôn may bán đất hơn nữa”).

(11) You are welcome to visit this cemetery where famous composers, artists, and writers are buried **everyday except Thursday**.

(dt Pinker, 1994) [10]

(Các bạn có thể viếng thăm nghĩa trang của chúng tôi nơi mà các nhạc sĩ, nghệ sĩ và nhà văn nổi tiếng được chôn cất **mỗi ngày trừ thứ năm**).

Trong truyện (10), lời đề nghị (dưới dạng câu hỏi) của cô gái có thể có hai diễn dịch tùy theo giới ngữ *in the window* gắn kết với danh từ *two-piece suit* hoặc với động từ *try on*. Dĩ nhiên ý định thực sự của cô gái được diễn dịch theo cách gắn kết thứ nhất, đó là muốn nói đến *bộ áo quần hai mảnh ở cạnh cửa sổ*; trong khi viên quản lý lại diễn dịch theo cách gắn kết thứ hai (tạo nên cái hài cho câu truyện): *cô gái muốn mặc thử ở cửa sổ*. Còn câu (11) được trích trong câu truyện nói về nội dung của một bảng thông báo tại một nghĩa trang ở Nga. Trạng ngữ *everyday except Thursday* có thể gắn kết với động từ *visit* hay *buried*, tương ứng với hai diễn dịch: (i) *Các bạn có thể viếng thăm nghĩa trang của chúng tôi mỗi ngày trừ thứ năm, nơi mà các nhạc sĩ,*

<sup>2</sup> Dt <http://www.khotruyencuoi.vn/>

nghệ sĩ và nhà văn nổi tiếng được chôn cất; hoặc (ii) Các bạn có thể viếng thăm nghĩa trang của chúng tôi, nơi mà mỗi ngày trừ thứ năm các nhạc sĩ, nghệ sĩ và nhà văn nổi tiếng được chôn cất. Chính việc tri nhận theo nghĩa thứ hai đã tạo nên cái hài cho câu truyện.

### 3 LOẠI TRUYỆN CƯỜI DO MƠ HỒ PHÂN TÍCH

Trong truyện cười do mơ hồ phân tích, đặc tính ngữ nghĩa – cú pháp của một thành tố trong câu rất “đáng ngờ” - nghĩa là nó có hơn một phân tích về phương diện ngữ nghĩa (cũng như cú pháp), từ đó tạo nên tính “mơ hồ” đa nghĩa cho phát ngôn. Trong những cách diễn dịch đan xen đó, câu truyện đưa ra một diễn dịch khác lạ, dí dỏm, bất ngờ và từ đó tạo ra tiếng cười. Mơ hồ phân tích thường xảy ra ở những từ có khả năng chuyển loại, đồng âm khác từ loại hoặc những tổ hợp từ có khả năng phân tích thành một từ ghép hoặc hai từ riêng biệt.

#### 3.1 Loại truyện cười do mơ hồ phân tích trong tiếng Việt

3.1.1. Do mơ hồ của hai từ đồng âm khác từ loại

Sau đây, bài viết thử phân tích vài mẫu truyện mà cái hài được tạo nên do mơ hồ của hai từ đồng âm khác từ loại (đồng âm từ vựng-cú pháp):

(12) A: Sông có sâu không hả anh?

B: Hỏi gì vớ vẩn thế! Đến đìa còn không có nữa là sâu...”

(Về làng... “phát cáu” – Thế Anh & Vũ Bình<sup>3</sup>)

(13) Nguyễn Công Trứ học giỏi nhưng lận đận trong khoa cử. Nghe đèn thờ bà chúa Liễu Hạnh rất thiêng, cầu gì được nấy, ông đến hứa nếu thi đậu sẽ đến tế bà ba bò. Năm ấy, ông đậu giải nguyên, nhưng nhà nghèo quá, không thể thực hiện lời hứa. Thế là ông nảy sáng kiến, đến trước đền thờ qua bò lại ba lần, rồi đứng dậy nói:

- Tôi đã tế bà ba bò rồi đấy!

Đoạn hội thoại (12) được trích từ một phóng sự trong báo *Tuổi Trẻ* (15/11/2005) viết về làng “nói tức” Đông Loan (Bắc Giang). Làng này có “truyền thống” là khi đối đáp thường “phát ngôn” những câu làm người khác phải tức, phải cáu. Ví dụ trên là lời đối đáp giữa tác giả với một anh nông dân đang rửa chân ven sông: *sâu* trong câu hỏi là tính từ, còn *sâu* trong lời đáp là danh từ. Còn ở (13), cái hài hước, dí dỏm được tạo nhờ Nguyễn Công Trứ đã

“hóa chuyển” một cách thông minh động từ *bò* thành danh từ (con) *bò*.

(19) Mẹ làm ca đêm ở nhà máy dệt. Bà ngoại nhắn tin hỏi thăm cháu: “Mẹ có làm ca đêm không? Con ngủ chưa?”. Cô bé nhắn lại: “Mẹ đã vào ca ba con ngủ với dì”. Bà ngoại đọc xong hoảng quá vội sang nhà cháu. Đến nơi thì thấy con rê đang ở một mình, đứa cháu đã sang nhà dì ngủ. Hóa ra cô cháu muốn nói “Mẹ vào ca ba, con ngủ với dì” được bà ngoại hiểu nhầm thành: “Mẹ vào ca, ba con ngủ với dì”.

Trong truyện trên, từ *ba* có thể được phân tích như là định ngữ, bổ nghĩa cho danh từ *ca* (như ý định cô cháu muốn nói); hoặc như là danh từ (như ý “tri nhận” của bà ngoại). Phát ngôn có hai nghĩa đan xen như trên đã tạo nên tiếng cười cho truyện.

3.1.2. Do mơ hồ của hiện tượng đồng âm từ với tiếng (âm tiết) và giữa từ với cụm từ

Ở đây các từ tham gia vào nhóm đồng âm khác nhau về cấp độ và kích thước ngữ âm của chúng đều không vượt quá một tiếng. Các từ (hoặc tiếng) đồng âm xuất hiện trong một ngữ cảnh làm cho người đọc lẫn lộn, khó nhận ra mối quan hệ cú pháp giữa các từ. Ví dụ:

(14) a. Trọng tài<sub>1</sub> trọng tài<sub>2</sub> vận động viên, vận động viên<sub>1</sub> động viên<sub>2</sub> trọng tài.

(Bảo Thế Dục thể thao)<sup>4</sup>

b. Số em là số đào<sub>1</sub> hoa

Số anh đào<sub>2</sub> ngạch, hai ta cùng đào<sub>3</sub>.

(Ca dao)

Trong câu (20a), *động viên<sub>1</sub>* là các thành tố của danh từ ghép *vận động viên* trong khi *động viên<sub>2</sub>* là động từ, còn *trọng tài<sub>1</sub>* là danh từ trong khi *trọng tài<sub>2</sub>* là động từ. Ở câu (20b) *đào<sub>1</sub>* là tiếng đi với *hoa* (đào hoa) chỉ sự may mắn trong tình yêu; *đào<sub>2</sub>* là động từ; *đào<sub>3</sub>* có thể hiểu theo hai cách: “cùng nhau đào ngạch” hoặc “cùng mang âm *đào* như nhau”. Các câu trên có nhiều từ/tiếng đồng âm xuất hiện gây nên sự tương phản giữa âm và nghĩa, thậm chí có thể dẫn tới hiện tượng lẫn lộn, hiểu lầm.

Câu chuyện sau đây cũng cho thấy cái hóm hỉnh, hài hước được tạo ra do việc phân tích chuỗi đồng âm *thái quá* là một từ hay một cụm từ:

(15) Có hai ông thông gia ngồi ăn cơm với nhau. Ông bố vợ là chủ nhà có đãi ông sui món thịt luộc. Ông bố chồng thấy món thịt ngon nên cứ gắp hai miếng một lần. Ông kia bèn nói:

Anh sui, con gái tôi về làm dâu bên anh, có gì không phải thì anh đừng có chấp nhé!

Ông bố chồng thủng thẳng:

<sup>3</sup> báo *Tuổi Trẻ* (truy cập ngày 15/11/2005)

<sup>4</sup> Dt Hồ Lê, 2002 [4]

- Thái quá thì phải chấp chứ sao!<sup>5</sup>

Trong (15), cả hai ông thông gia đều dùng từ đồng âm để diễn đạt “hàm ý” của mình. Từ *chấp* có hai nghĩa: 1. *để bụng (cổ chấp)*, 2. *đặt liền bên nhau những vật mảnh hoặc dài và góp làm một*. Còn *thái quá* cũng có hai nghĩa: 1. *thái mỏng quá*, 2. *quá mức, quá chừng mực (thường hàm ý chê)*. Dù theo ngữ cảnh trong câu nói, từ *chấp* mang nghĩa 1 (nghĩa hiển ngôn), nhưng ý định thực sự của ông bố vợ là muốn nói đến nghĩa 2 của từ này (ở đây là nghĩa hàm ngôn), nhằm nhắc nhở ông thông gia ăn uống từ tốn. Thế nhưng ông bố chồng cũng thông minh, khôn khéo không kém khi sử dụng *thái quá* theo hai nghĩa: 1. nếu con gái anh quá đáng (không thể chấp nhận được) thì tôi không thể bỏ qua (phải chấp) - nghĩa của một từ; 2. thật thái mỏng quá nên tôi phải chấp hai miếng lại- nghĩa của cụm từ. Ở đây, nghĩa hiển ngôn của *thái quá* là nghĩa 1, nghĩa hàm ngôn là nghĩa 2.

Hoặc như truyện sau về Thủ Thiệm có cái hài dựa trên sự đồng âm của từ và cụm từ:

(16) Thủ Thiệm bị quan huyện sai lính lệ bắt giam. Quan thét:

- Lệ đâu! Đưa thằng này xuống buồng giam, giam đầu nó lại!

Thủ Thiệm đến cửa buồng giam, chỉ đưa đầu vào, nhất định không bước thêm. Lính giục vào, ông nói:

- Quan chỉ bảo giam đầu chứ không bảo giam đít.

Cuối cùng, quan buộc lòng phải thả ông ra.

(dt Trương Chính, 2004) [1]

*Giam đầu* có thể phân tích như là một ngữ cố định có nghĩa là *nhốt, giam cầm, giam giữ*; hoặc có thể phân tích như là một ngữ tự do có nghĩa là *nhốt, giữ cái đầu* (có kết cấu cú pháp như “giam đít”). Thủ Thiệm dựa vào lời quan và hiện tượng đồng âm của cụm từ *giam đầu* để tạo nên tiếng cười sáng khoái cho người đọc/ người nghe.

Tương tự, ta có mẫu truyện cười hiện đại sau:

(17) Một anh thương binh dẫn người yêu ra bờ sông tắm sự. Chàng hỏi nàng:

Em muốn người chồng tương lai phải như thế nào?

Em muốn có người chồng chân thật.

Chàng buồn bã suy nghĩ. Rồi đột nhiên, chàng cầm một cục đá, đập vào chân mình một cái “cốp” nói:

Anh đi đánh Mỹ, cụt mất một chân, bây giờ chi có chân giả, đầu còn chân thật mà em đòi!

(Theo báo “Tuổi trẻ cười”)<sup>6</sup>.

*Chân thật* có thể được hiểu như là một tính từ, chỉ phẩm chất của con người hoặc có thể được hiểu như là một danh ngữ, trái nghĩa với *chân giả*. Tiếng cười được tạo nên là do cô người yêu muốn nói đến nghĩa thứ nhất, còn anh thương binh lại hiểu theo nghĩa thứ hai.

Ta thấy việc vận dụng hiện tượng đồng âm theo loại này có hiệu quả gây cười rất cao, rất thâm thúy.

3.2 Loại truyện cười do mơ hồ phân tích trong tiếng Anh

3.2.1. Do mơ hồ của hai từ đồng âm khác từ loại

Truyện cười sau đây dựa trên hiện tượng mơ hồ của từ đồng âm khác từ loại *jackass*:

(18) An officer was halted on his approach to the camp by a car green sentry.

In disgust to the sentry’s challenge of “Who is here?”

The officer shouted: “Me, jackass”.

“Advance, jackass,” was the solemn answer, “to be recognized”. (dt Laimute, 2005) [9]

Ở (18), sự diễn dịch sai lệch của câu “Me, jackass” nghĩa là “Tôi đây, đồ con lừa”, thì dựa trên cấu trúc cú pháp: *jackass* ở vị trí này có thể được diễn dịch như là hình thức xưng hô dành cho người đối thoại hoặc như là phần chêm (apposition) giải thích cho từ đi trước (đây là danh từ để chỉ cho đại từ đi trước nó). Viên sĩ quan sử dụng từ này để chỉ viên lính gác, trong khi người lính gác lại chọn cách diễn dịch thứ hai nhằm chỉ viên sĩ quan. Truyện cười này dựa trên đồng âm cú pháp, nghĩa là cùng cấu trúc cú pháp giống nhau nhưng lại có nghĩa khác nhau.<sup>7</sup>

Sau đây là cái tên buồn cười một cửa tiệm bán kính dựa trên hiện tượng đồng âm dị từ:

(19) For Eyes.

(Dành riêng cho đôi mắt/ Bốn mắt)

Câu (19) là tên một cửa tiệm bán kính, có từ *for* (giới từ) đồng âm với *four* (danh từ) và được phát âm là [fɔr] nên có hai cách diễn dịch sau: “Dành riêng cho đôi mắt” hoặc “Bốn mắt”.

Có nhiều tựa báo tạo nên tiếng cười cho độc giả do hiện tượng đồng âm khác từ loại, chẳng hạn như các ví dụ sau:

(20) Police Help Dog Bite Victim. (Tựa báo)

(Cảnh sát giúp đỡ nạn nhân bị chó cắn/

Cảnh sát giúp chó cắn nạn nhân)

<sup>6</sup> Dt Hồ Lê, 2002 [4].

<sup>7</sup> Đây cũng là loại mơ hồ dựa trên tính lưỡng khả về sở chỉ (referential ambiguity)

<sup>5</sup> Dt Đoàn Thị Tâm, 2006 [6]

(21) Stolen Painting Found by Tree.

(Tựa báo)

(Bức tranh bị đánh cắp được tìm thấy gần một gốc cây/ Cái cây đó đã tìm thấy bức tranh)

Tựa báo (20) có hai nghĩa tùy theo sự gắn kết của động từ *help* với *dog* hay với *victim*: 1. nếu *help* gắn kết với *dog* thì tựa báo có nghĩa là *Cảnh sát giúp đỡ nạn nhân bị chó cắn*; 2. nếu *help* gắn kết với *victim* thì tựa báo có nghĩa là *Cảnh sát giúp chó cắn nạn nhân* (đây là nghĩa gây cười).

Còn ở tựa báo (21), tùy theo sự gắn kết của *by* với *tree* hay với *found* mà tựa báo có hai nghĩa: 1. nếu *by* gắn kết với *tree* (*by* là trạng từ) thì tựa báo có nghĩa là *Bức tranh bị đánh cắp được tìm thấy gần một gốc cây*; 2. nếu *by* gắn kết với *found* (*by* là giới từ) thì tựa báo có nghĩa là *hay Cái cây đó đã tìm thấy bức tranh* (đây là nghĩa gây cười).

Mơ hồ do đồng âm để tạo tiếng cười có thể là do vô tình (unintentionally) như các ví dụ trên, hoặc do cố ý (intentionally) để gây cười như trong mẫu truyện hài hước trên báo chí như sau:

(22) A: I've been waiting here for five minutes to cross this road.

B: Well, there's a zebra crossing further down the road.

A: Well, I hope it is having better luck than I'm having.

(A: Tôi đã đợi ở đây đến 5 phút rồi để qua đường.

B: À, có vạch sơn cho người qua đường ở đằng kia kia.

À, có một con ngựa vằn đang qua đường ở đằng kia kia.

A: Ô vậy là con ngựa vằn đó may mắn hơn tôi nhiều.)

Trong mẫu hội thoại trên, *crossing* có thể được phân tích như một danh từ và *zebra* bổ nghĩa cho nó (có nghĩa là *vạch sơn dành cho người đi đường*) như ý B muốn nói. Ngoài ra, *crossing* có thể được hiểu như là động từ và *zebra crossing* có nghĩa là *con ngựa đang băng qua đường* như A đã hiểu.

Tương tự tiếng Việt, việc thay đổi tính chất gắn kết của các thành phần câu trong tiếng Anh bằng dấu phẩy làm biến đổi nghĩa câu, tạo nên tiếng cười. Xét các ví dụ sau:

(23) An English professor wrote the sentence "A woman without her man is nothing" on the blackboard and asked his students to punctuate it correctly.

The male students wrote: "A woman, without her<sub>1</sub> man, is nothing."

And female students wrote: "A woman without her<sub>2</sub>, man is nothing."

(Một giáo sư Anh văn viết câu "Woman without her man is nothing" lên bảng và yêu cầu sinh viên của mình điền dấu câu cho rõ nghĩa.

Sinh viên nam viết: "Phụ nữ, nếu không có đàn ông, không là gì cả."

Và sinh viên nữ viết: "Phụ nữ, nếu không có (họ) đàn ông không là gì cả.")

Ở truyện (23), việc đặt dấu phẩy ở vị trí khác nhau mà câu mơ hồ *A woman without her man is nothing* có hai nghĩa xác định: 1. *A woman, without her<sub>1</sub> man, is nothing* (Phụ nữ, nếu không có đàn ông thì không là gì cả; tức là "Phụ nữ rất cần đàn ông"); 2. *A woman, without her<sub>2</sub>, man is nothing* (Phụ nữ, nếu không có (họ) thì đàn ông không là gì cả; tức là "Đàn ông rất cần phụ nữ"). Cần chú ý là nếu theo nghĩa 1 thì *her<sub>1</sub>* là tính từ sở hữu; còn theo nghĩa 2 thì *her<sub>2</sub>* là đại từ.

Tương tự, ta có câu truyện có điểm nút là câu mơ hồ cú pháp như dưới đây:

(24) Lawyers give poor free legal advice. (dt Spector, 1997)

(Các luật sư (thường) cho lời khuyên miễn phí (nhưng) kém chất lượng/

Các luật sư (thường) cho người nghèo lời khuyên miễn phí)

Ở câu (24), việc đặt dấu phẩy ở vị trí khác nhau mà câu mơ hồ *Lawyers give poor free legal advice* có hai nghĩa xác định: 1. *Lawyers, give poor<sub>1</sub> free legal advice* (Các luật sư (thường) cho lời khuyên miễn phí (nhưng) kém chất lượng); 2. *Lawyers give poor<sub>2</sub>, free legal advice* (Các luật sư (thường) cho người nghèo lời khuyên miễn phí). Cần chú ý là nếu theo nghĩa 1 thì *poor<sub>1</sub>* là tính từ; còn theo nghĩa 2 thì *poor<sub>2</sub>* là đại từ.

3.2.2. Do mơ hồ của hiện tượng đồng âm từ với tiếng (âm tiết) và giữa từ với cụm từ

Tiếng Anh cũng có loại đồng âm giữa từ với tiếng (âm tiết) nhưng rất hiếm và có phần hơi khác. Chẳng hạn như:

(25) Marriage is a three ring<sub>1</sub> circus: engagement ring<sub>2</sub>, wedding ring<sub>2</sub>, and suffering<sub>3</sub>.

(dt Nguyễn Vạn Phú, 1999) [5]

Câu (25) là cách chơi chữ với âm *ring*. *Ring<sub>3</sub>* trong *suffering* là một tiếng (âm tiết) một hậu tố và những *ring<sub>1</sub>*, *ring<sub>2</sub>* lại là một từ.

Một điều cần chú ý là trong tiếng Việt cũng như tiếng Anh, hiện tượng đồng âm của "từ ghép" và cụm từ thực chất là do sự đồng âm của từng từ với nhau và phân biệt nhau bởi trọng âm/bởi sự ngắt giọng khi nói; trên chữ viết nó tạo nên mơ hồ

trong câu (một loại mơ hồ từ vựng – cú pháp). Chẳng hạn như câu sau có cái hài được tạo ra do sự đồng âm của từng từ với nhau<sup>8</sup>:

(26) Last week at the beach I saw a man eating fish. (dt Spector, 1997) [12]

Ở câu (26), *a man eating fish* có hai nghĩa: 1. *một loài cá ăn thịt người* (từ *man* và *eating* được phân tích như là định ngữ cho danh từ *fish*); 2. *một người đang ăn cá* (từ *man* được phân tích như là chủ ngữ, *eating* là động từ và bổ ngữ là *fish*).

Cũng cần chú ý là ở tiếng Anh cũng có những cụm từ đồng âm đồng tự như trong câu nói đùa sau:

(27) He's a professional book-keeper

Ở câu (27), *a professional book-keeper* có hai nghĩa: 1. *một kế toán viên chuyên* Ngoài ra, khác với tiếng Việt, trong tiếng Anh có những truyện cười dựa trên hiện tượng mơ hồ do đọc nối các từ với nhau tạo thành những đoạn lời nói đồng âm (thường là không đồng tự). Như vậy về thực chất chúng không có quan hệ đồng âm với nhau theo từng từ. Chẳng hạn như các mẫu truyện sau:

(28) A: What could you do if you were starving on a desert? (dt Spector, 1997) [12]

B: Eat the sand-which-is there/

*Eat the sandwiches there.*

(dt Spector, 1997) [12]

(Bạn sẽ làm gì nếu trên sa mạc bạn đang chết dần vì đói?)

B: Thì hãy ăn cát ở đó/

Thì hãy ăn bánh xăng- duých ở đó.)

(29) A: Can you telephone from a spaceship?/

B: Of course. Who can't tell- a -phone from a spaceship? (dt Spector, 1997) [12]

(A: Bạn có thể gọi điện từ tàu vũ trụ không?/

Bạn có thể cho biết sự khác nhau giữa điện thoại và tàu vũ trụ không?)

B: Dĩ nhiên rồi. Ai mà lại không biết sự khác nhau giữa điện thoại và tàu vũ?

Truyện cười (28) dựa trên sự đồng âm ['sɑn(d)wɪdʒ] của cụm từ *sand which is* và từ *sandwiches*. Các từ trong cụm từ *sand which is* được đọc nối nhau. Tương tự, truyện cười (29) dựa trên sự đồng âm [telə'fəʊn] của từ *telephone* và cụm từ *tell-a-phone*. A muốn hỏi là *Bạn có thể gọi điện từ tàu vũ trụ không?* (*Can you telephone from a spaceship?*) thì B lại hiểu là *Bạn có thể cho biết sự khác nhau giữa điện thoại và tàu vũ trụ không?* (*Can you tell-a-phone from a spaceship?*). Ở đây, các từ trong cụm từ *tell a phone* được đọc nối nhau.

Và như vậy, những mẫu truyện cười này chỉ có “giá trị” trong ngôn ngữ nói.

#### 4 KẾT LUẬN

1. Có nhiều loại mơ hồ cú pháp nhưng bài viết chủ yếu khảo sát loại truyện cười do mơ hồ gắn kết và mơ hồ phân tích vì đây là hai loại thông dụng nhất.

Ở loại truyện cười do mơ hồ gắn kết, tác giả cố tình tạo ra những cấu trúc cú pháp - ngữ nghĩa đan xen nhau trong cùng một câu do việc kết nối khác nhau giữa các thành phần trong câu. Nghĩa câu “tuỳ biến” theo cách phân định cú pháp như vậy được “vận dụng” rất nhiều trong truyện cười, do vậy loại truyện này khá phổ biến. Có nhiều truyện tác giả sử dụng khéo léo sự chuyển vị của dấu phẩy (trong văn viết) và sự ngắt hơi (trong văn nói) nhằm làm rõ (hay thay đổi) tính gắn kết giữa các thành phần trong câu, qua đó, tạo cái hài cho câu chuyện.

Ở loại truyện cười do mơ hồ phân tích, bài viết cho thấy mơ hồ phân tích thường xảy ra ở những từ có khả năng chuyển loại, đồng âm khác từ loại hoặc những tổ hợp từ có khả năng phân tích thành một từ ghép hoặc hai từ riêng biệt. Ở loại mơ hồ này, câu/phát ngôn có hơn một phân tích về phương diện ngữ nghĩa - cú pháp, tức là có hơn một diễn dịch. Trong những cách diễn dịch đan xen đó, câu chuyện đưa ra một diễn dịch khác lạ, dí dỏm, bất ngờ và từ đó tạo ra tiếng cười.

2. Loại truyện cười do mơ hồ cú pháp giữa tiếng Việt và tiếng Anh có những điểm tương đồng sau:

- Ở loại truyện cười này, tác giả vận dụng tính gắn kết (thuần túy cú pháp), tính phân tích (từ vựng – ngữ pháp) rất đa dạng, “linh hoạt” giữa các thành phần trong câu để tạo mơ hồ, và qua đó để gây cười.

- Tiếng Việt và tiếng Anh đều có loại truyện cười do tính mơ hồ của hiện tượng đồng âm từ với tiếng (âm tiết) và giữa từ với cụm từ.

- Tương tự tiếng Việt, việc thay đổi tính chất gắn kết của các thành phần câu trong tiếng Anh bằng dấu phẩy khi viết, ngắt giọng khi nói, làm nghĩa câu biến đổi, tạo nên tiếng cười.

- Tiếng Việt cũng như tiếng Anh, trong ngôn ngữ nói, có những truyện cười dựa trên đặc tính mơ hồ do đồng âm giữa “từ ghép” và cụm từ. Hiện tượng đồng âm này thực chất là do sự đồng âm của từng từ với nhau, và phân biệt nhau bởi trọng âm/bởi sự ngắt giọng khi nói.

3. Loại truyện cười do mơ hồ cú pháp giữa tiếng Việt và tiếng Anh có những điểm dị biệt sau:

<sup>8</sup> Câu này được lược trích trong một mẫu truyện hài ở cuốn *Saying One Thing, Meaning Another* của Spector, Cecile Cyril (1997).



- Khác với tiếng Việt, trong ngôn ngữ nói, tiếng Anh có những truyện cười dựa trên hiện tượng mơ hồ do đọc nối các từ với nhau tạo thành những đoạn lời nói đồng âm (thường là không đồng tự). Những đoạn lời nói đồng âm này, về thực chất, không có quan hệ đồng âm với nhau theo từng từ.

- Tiếng Việt có từ/yếu tố tạo từ, đặc biệt là các yếu tố Hán-Việt, tham gia vào nhóm đồng âm khác nhau về cấp độ và kích thước ngữ âm của chúng đều không vượt quá một tiếng, và chúng xuất hiện trong cùng một ngữ cảnh làm cho người đọc lẫn lộn, khó nhận ra mối quan hệ cú pháp giữa các từ, tạo mơ hồ. Có những mẫu truyện cười do tính mơ hồ của nhóm đồng âm này rất dí dỏm, thâm thúy và đây là đặc trưng của riêng tiếng Việt.

- Qua khảo sát bước đầu, tiếng Việt có nhiều truyện cười do mơ hồ phân tích hơn tiếng Anh. Dường như điều này có lý do là việc phân định từ loại trong câu tiếng Anh dễ dàng hơn và khó có thể xảy ra hiện tượng mơ hồ phân tích hơn so với tiếng Việt<sup>9</sup>.

4. Loại truyện cười do mơ hồ gắn kết trong tiếng Anh và tiếng Việt tương tự nhau nên hầu hết các mẫu truyện tiếng Anh thuộc loại này có thể dịch một cách hoàn hảo sang tiếng Việt (hoặc ngược lại) mà vẫn duy trì được sự mơ hồ và tính hài hước tương tự. Trong khi đó, loại truyện cười do mơ hồ phân tích thì không được như vậy.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trương Chính – Phong Châu (2004), *Tiếng cười dân gian Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
- [2] Nguyễn Đức Dân (1986), *Hiện tượng mơ hồ và văn học trào phúng*, Tạp chí Sông Hương, số 17, tr. 78 – 81
- [3] Nguyễn Đức Dân và Trần Thị Ngọc Lang (1992), *Câu sai và câu mơ hồ*, Nxb Giáo dục
- [4] Hồ Lê và Lê Trung Hoa (2002), *Sử dụng Từ ngữ trong Tiếng Việt (Thủ chơi chữ)*, Nxb Khoa học Xã hội
- [5] Nguyễn Văn Phú (1999), *Tiếng Anh lý thú*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh
- [6] Đoàn Thị Tâm (2006), *Một số phương thức tạo hàm ngôn trong truyện cười tiếng Việt*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.
- [7] Franz, Alexander (1996), *Automatic Ambiguity Resolution in Natural Language*, Spinger-Verlag Berlin Heidelberg
- [8] Hoke, H. 1965, *More jokes*, New York: Franklin Watts
- [9] Laimute, Servaite (2005), *The Anatomy of a Joke*, TILTAI 4 (33), Klaipeda: Klaipedos Universitetas eprint.

<sup>9</sup> Điều này là do sự khác biệt về mặt loại hình của hai ngôn ngữ: tiếng Việt là ngôn ngữ không biến hình, tính độc lập về nghĩa của từ tương đối yếu, ranh giới từ lại không rõ ràng; nói cách khác mỗi tiếng, mỗi từ tiếng Việt có khả năng kết hợp rất đa dạng với những tiếng khác, từ khác trong câu; còn tiếng Anh là ngôn ngữ biến hình nên hình thức giữa từ loại này và từ loại khác khá là khác biệt nhau, tính độc lập về nghĩa của từ cao hơn.

[10] Pinker, Steven (1994), *The Language Instinct*, William Morrow and Company, Inc, New York.

[11] Richard Clark, *The Fatal Comma, The Write Stuff*, Vol. 16, No. 2, 2007, The Journal of the European Medical Writers Association

[12] Spector, Cecile Cyril (1997), *Saying One Thing, Meaning Another : Activities for Clarifying Ambiguous Language*, Thinking Publications, Eau Claire, Wisconsin

**Trần Thủy Vĩnh** đạt học vị Tiến sĩ (Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG-HCM) năm 2006, Thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học so sánh- (Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG-HCM) năm 2002, Cử nhân Anh văn (Đại học Sư phạm TP.HCM) năm 1996. Từ năm 1996 đến nay ông là giảng viên tại Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG-HCM. Lĩnh vực nghiên cứu chính của ông bao gồm ngôn ngữ học so sánh-đối chiếu và phương pháp giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

# The types of jokes due to syntactic ambiguity (Illustrated by the Vietnamese and English languages)

Tran Thuy Vinh

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM, Viet Nam  
Corresponding author: vinhtranthuy1@gmail.com

Received: 10-4-2017; Accepted: 22-6-2017; Published: 31-12-2017

*Abstract-* Jokes are very common in our lives - brief but exquisite and artistic. Vietnamese and English language have many jokes based on the using of ambiguous languages. The listeners/readers recognize ridiculous situations or event due to the "tools" of ambiguous language in combination with the knowledge and sensitivity of their language.

Syntactic ambiguity is a kind of language ambiguity and occurs in sentences that have more than one meaning because their syntactical relationships

can be distinguished in different ways. There are many kinds of syntactic ambiguities, but the paper mainly examines the kind of jokes due to the attachment and analytical ambiguity.

This paper presents the characteristics of syntactic ambiguity as a "means" to make up the comedy of jokes in Vietnamese and English language; at the same time, it presents the similarities and differences between the kinds of jokes due to the syntactic ambiguity of Vietnamese and English people.

*Index Terms*—jokes, language ambiguity, syntactic ambiguity.